

THÔNG BÁO

V/v hủy các lớp học phần không đủ sĩ số lớp học lại học kỳ III năm học 2016-2017

- Căn cứ theo thông báo Số 43/TB-KD ngày 29/06/2017 về việc đăng ký học lại học kỳ III năm học 2016-2017 của Khoa Dược.
- Căn cứ theo số lượng sinh viên đăng ký thực tế vào các lớp học phần trong đợt học lại học kỳ III năm học 2016-2017 của sinh viên khoa Dược.

Do số lượng sinh viên đăng ký không đủ theo quy định, nay Khoa Dược thông báo hủy lớp học phần tín chỉ, cụ thể như sau:

STT	Mã lớp học phần	Tên môn học	Lớp dự kiến	Qui định	Đăng ký	Đã đóng tiền	Còn lại
1	030100066301	Hóa hữu cơ	13CDS.HL.02	30->101	18	16	2
2	030100066302	Hóa hữu cơ	13CDS.HL.02	30->100	2	1	1
3	030100068001	Hóa phân tích - Thực hành	13CDS.HL.04	20->25	5	2	3
4	030100068002	Hóa phân tích - Thực hành	13CDS.HL.04	20->25	0	0	0
5	030100068004	Hóa phân tích - Thực hành	13CDS.HL.04	20->25	0	0	0
6	030100169801	Thực vật dược - Thực hành	13CDS.HL.06	20->25	3	3	0
7	030100169802	Thực vật dược - Thực hành	13CDS.HL.06	20->25	0	0	0
8	030100169803	Thực vật dược - Thực hành	13CDS.HL.06	20->25	0	0	0
9	030100169804	Thực vật dược - Thực hành	13CDS.HL.06	20->25	0	0	0
10	030100190301	Vi sinh và ký sinh trùng - Thực hành	13CDS.HL.08	20->25	5	4	1
11	030100190302	Vi sinh và ký sinh trùng - Thực hành	13CDS.HL.08	20->25	0	0	0
12	030100190303	Vi sinh và ký sinh trùng - Thực hành	13CDS.HL.08	20->25	0	0	0
13	030100190304	Vi sinh và ký sinh trùng - Thực hành	13CDS.HL.08	20->25	1	1	0
14	03010003202	Anh văn chuyên ngành dược	13CDS.HL.09	30->100	5	4	1
15	030100055301	Dược liệu	13CDS.HL.10	30->100	21	20	1
16	030103200601	Hóa sinh	13CDS.HL.12	30->100	10	7	3
17	030100007602	Bệnh học	13CDS.HL.13	30->100	9	4	5
18	030100007603	Bệnh học	13CDS.HL.13	30->100	0	0	0
19	030100055703	Dược lý 1	13CDS.HL.14	30->100	3	3	0
20	030100055801	Dược lý 1 - Thực hành	13CDS.HL.15	20->25	14	12	2

21	030100055802	Dược lý 1 - Thực hành	13CDS.HL.15	20->25	1	1	0
22	030100055804	Dược lý 1 - Thực hành	13CDS.HL.15	20->25	19	14	5
23	030100006102	Bào chế 1 - Thực hành	13CDS.HL.16	20->25	0	0	0
24	030100006103	Bào chế 1 - Thực hành	13CDS.HL.16	20->25	2	1	1
25	030100006104	Bào chế 1 - Thực hành	13CDS.HL.16	20->25	0	0	0
26	030100006001	Bào chế 1	13CDS.HL.17	30->100	13	11	2
27	030100079701	Kiểm nghiệm thuốc - Thực hành	13CDS.HL.19	20->25	2	1	1
28	030100079702	Kiểm nghiệm thuốc - Thực hành	13CDS.HL.19	20->25	0	0	0
29	030100079703	Kiểm nghiệm thuốc - Thực hành	13CDS.HL.19	20->25	7	7	0
30	030100079704	Kiểm nghiệm thuốc - Thực hành	13CDS.HL.19	20->25	0	0	0
31	030100135401	Quản lý tồn trữ thuốc - Thực hành	13CDS.HL.20	20->25	0	0	0
32	030100135402	Quản lý tồn trữ thuốc - Thực hành	13CDS.HL.20	20->25	1	1	0
33	030100135403	Quản lý tồn trữ thuốc - Thực hành	13CDS.HL.20	20->25	12	8	4
34	030100135404	Quản lý tồn trữ thuốc - Thực hành	13CDS.HL.20	20->25	0	0	0
35	030100055002	Dược lâm sàng	13CDS.HL.21	30->100	8	8	0
36	030100082901	Kinh tế dược - Thực hành	13CDS.HL.23	20->25	11	9	2
37	030100082902	Kinh tế dược - Thực hành	13CDS.HL.23	20->25	2	1	1
38	030100067101	Hóa vô cơ - Thực hành	13CDS.HL.26	20->25	0	0	0
39	030100079602	Kiểm nghiệm thuốc	13CDS.HL27	30->100	0	0	0
40	030100055601	Dược liệu - Thực hành	13CDS.HL28	20->25	7	5	2
41	030100055602	Dược liệu - Thực hành	13CDS.HL28	20->25	0	0	0
42	030100056002	Dược lý 2 - Thực hành	13CDS.HL30	20->25	3	3	0
43	011707098424	Sinh học đại cương	13DDS.HL01	30->100	28	23	5
44	011707098426	Sinh học đại cương	13DDS.HL01	30->100	14	11	3
45	011707098301	Hóa đại cương vô cơ	13DDS.HL02	30->100	7	3	4
46	011707096301	Vi sinh	13DDS.HL04	30->100	9	7	2
47	0117070964103	Vi sinh - Thực hành	13DDS.HL05	20->25	3	3	0
48	0117070964108	Vi sinh - Thực hành	13DDS.HL05	20->25	10	10	0
49	0117070964110	Vi sinh - Thực hành	13DDS.HL05	20->25	9	9	0
50	011707096702	Dược liệu 1	13DDS.HL08	30->100	11	7	4
51	011707102974	Dược liệu 1 - Thực hành	13DDS.HL09	20->25	13	12	1
52	011707102975	Dược liệu 1 - Thực hành	13DDS.HL09	20->25	0	0	0
53	011707102976	Dược liệu 1 - Thực hành	13DDS.HL09	20->25	0	0	0
54	011707102977	Dược liệu 1 - Thực hành	13DDS.HL09	20->25	1	1	0
55	011707102978	Dược liệu 1 - Thực hành	13DDS.HL09	20->25	3	3	0
56	011707102979	Dược liệu 1 - Thực hành	13DDS.HL09	20->25	0	0	0
57	011707102980	Dược liệu 1 - Thực hành	13DDS.HL09	20->25	6	6	0
58	011707102981	Dược liệu 1 - Thực hành	13DDS.HL09	20->25	0	0	0
59	011707097519	Bào chế và sinh dược học 1	13DDS.HL12	30->100	4	3	1
60	011700006602	Bào chế và sinh dược học 1 - Thực hành	13DDS.HL13	20->25	6	6	0

61	011700006606	Bào chế và sinh dược học 1 - Thực hành	13DDS.HL13	20->25	16	16	0
62	011700007622	Bệnh học	13DDS.HL14	30->100	14	13	1
63	011707096625	Hóa lý dược	13DDS.HL16	30->100	8	8	0
64	011707077101	Anh văn chuyên ngành Dược	13DDS.HL19	30->100	14	12	2
65	011700050903	Độc chất học	13DDS.HL21	30->100	29	25	4
66	0117001698103	Thực vật dược - Thực hành	13DDS.HL23	20->25	2	2	0
67	0117001698104	Thực vật dược - Thực hành	13DDS.HL23	20->25	0	0	0
68	0117001698105	Thực vật dược - Thực hành	13DDS.HL23	20->25	0	0	0
69	0117001698107	Thực vật dược - Thực hành	13DDS.HL23	20->25	4	4	0
70	0117001698108	Thực vật dược - Thực hành	13DDS.HL23	20->25	0	0	0
71	0117001698109	Thực vật dược - Thực hành	13DDS.HL23	20->25	7	7	0
72	0117001698110	Thực vật dược - Thực hành	13DDS.HL23	20->25	10	10	0
73	050100006201	Bào chế 2	13TDSP.HL01	30->100	29	22	7
74	050100006101	Bào chế 1 - Thực hành	13TDSP.HL02	20->30	6	4	2
75	050100006102	Bào chế 1 - Thực hành	13TDSP.HL02	20->30	0	0	0
76	050100006103	Bào chế 1 - Thực hành	13TDSP.HL02	20->30	17	16	1
77	050100006104	Bào chế 1 - Thực hành	13TDSP.HL02	20->30	0	0	0
78	050100006001	Bào chế 1	13TDSP.HL05	30->100	19	10	9
79	020100064725	Hóa dược - Thực hành	14CDS.HL03	20->25	12	9	3
80	020100064726	Hóa dược - Thực hành	14CDS.HL03	20->25	0	0	0
81	020100006125	Bào chế - Thực hành	14CDS.HL04	20->25	5	4	1
82	020100006127	Bào chế - Thực hành	14CDS.HL04	20->25	15	11	4
83	020100006132	Bào chế - Thực hành	14CDS.HL04	20->25	13	12	1
84	020107175101	Thực hành dược khoa 1 (Hoá - Hoá dược)	14CDS.HL14	20->25	11	6	5
85	020107175103	Thực hành dược khoa 1 (Hoá - Hoá dược)	14CDS.HL14	20->25	0	0	0
86	020107175104	Thực hành dược khoa 1 (Hoá - Hoá dược)	14CDS.HL14	20->25	10	7	3
87	020100055628	Dược liệu - Thực hành	14CDS.HL21	20->25	0	0	0
88	011707102601	Hóa hữu cơ - Thực hành	14DDS.HL.02	20->25	0	0	0
89	011707102605	Hóa hữu cơ - Thực hành	14DDS.HL.02	20->25	1	1	0
90	011707102607	Hóa hữu cơ - Thực hành	14DDS.HL.02	20->25	1	1	0
91	011707098425	Sinh học đại cương - Dược	14DDS.HL.04	30->100	15	15	0
92	011707096527	Hóa phân tích 1	14DDS.HL.12	30->100	28	24	4
93	011700195201	Dược học cổ truyền	14DDS.HL.14	30->100	22	20	2
94	011700054801	Dược học cổ truyền - Thực hành	14DDS.HL.15	20->25	0	0	0
95	011700054802	Dược học cổ truyền - Thực hành	14DDS.HL.15	20->25	19	17	2
96	011700054803	Dược học cổ truyền - Thực hành	14DDS.HL.15	20->25	1	1	0
97	011700054804	Dược học cổ truyền - Thực hành	14DDS.HL.15	20->25	6	5	1

98	0117070964104	Vi sinh - Dược - Thực hành	14DDS.HL.17	20->25	1	1	0
99	0117070964105	Vi sinh - Dược - Thực hành	14DDS.HL.17	20->25	2	2	0
100	0117070964106	Vi sinh - Dược - Thực hành	14DDS.HL.17	20->25	0	0	0
101	0117070964107	Vi sinh - Dược - Thực hành	14DDS.HL.17	20->25	7	6	1
102	011707102602	Hóa hữu cơ - Thực hành	14DDS.HL.18	20->25	3	1	2
103	011707110101	Sinh lý - Dược - Thực hành	14DDS.HL.20	20->25	3	3	0
104	011707110102	Sinh lý - Dược - Thực hành	14DDS.HL.20	20->25	14	10	4
105	011707110103	Sinh lý - Dược - Thực hành	14DDS.HL.20	20->25	0	0	0
106	0117001698111	Thực vật dược - Thực hành	14DDS.HL21	20->25	0	0	0
107	0117001698112	Thực vật dược - Thực hành	14DDS.HL21	20->25	9	9	0
108	012007215214	Hoá sinh - Dược - Thực hành	14DDS.TCLT.HL01	20->25	0	0	0
109	012007215215	Hoá sinh - Dược - Thực hành	14DDS.TCLT.HL01	20->25	5	2	3
110	012007215216	Hoá sinh - Dược - Thực hành	14DDS.TCLT.HL01	20->25	1	0	1
111	012007215217	Hoá sinh - Dược - Thực hành	14DDS.TCLT.HL01	20->25	18	10	8
112	012007214904	Dược động học	14DDS.TCLT.HL02	30->100	21	12	9
113	012007216330	Dược liệu - Thực hành	14DDS.TCLT.HL03	20->25	4	4	0
114	011907221602	Dược lý	15DDS.CDLT.HL01	30->100	10	9	1
115	011907219501	Hoá vô cơ	15DDS.CDLT.HL03	30->60	13	8	5
116	011907222002	Bào chế và sinh dược học - Thực hành	15DDS.CDLT.HL04	20->25	7	7	0

- Thông báo hủy đăng kí sinh viên lớp 14CDS.HL10 - Hóa vô cơ – 020100067001:

Nhà trường sẽ hủy đăng kí những sinh viên cao đẳng khóa 2015 và 2016 đã đăng kí nhằm vào lớp 14CDS.HL10 vì số tín chỉ của khóa 2014 là 2 tín chỉ còn khóa 2015 và 2016 là 3 tín chỉ. (Danh sách đính kèm)

Nơi nhận:

- Thông báo trên trang thông tin điện tử;
- Phòng Đào Tạo;
- Lưu: Khoa Dược.

Khoa Dược

Th.S Nguyễn Thanh Nghĩa